

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HC-ST

Ngày: 07-8-2020

V/v khiếu kiện Quyết định xử lý
phạm hành chính về trật tự xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ

Bà Nguyễn Thị Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Kiểm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2019/TLST-HC ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Đức C (Vũ Văn C) - Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đặng Văn C1 - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Văn phòng luật sư P1, đoàn luật sư Hà Nội; Số 65B phố T1, phường G, quận Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ1, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Văn S - chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019 - Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị H - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

- Ông Vũ Tiến H1 và bà Nguyễn Thị H2; Cùng địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 5, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Vũ Đức C trình bày:

Ngày 27/3/2001, ông Vũ Tiến H1 được Công ty N Điện Biên giao khoán đất để trồng cà phê với diện tích đất là 0,2400 ha, thuộc khu vực Đội 4 Công ty, thời gian giao khoán đất là 50 năm, kể từ ngày 01/7/1995 (tính từ ngày giao khoán đất cho ông Lân ngày 01/7/1995), theo Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số 78/HĐK-CTCCN ký kết giữa: Bên giao khoán là Công ty N Điện Biên do Giám đốc Bùi Đ2 ký, với bên nhận khoán là ông Vũ Tiến H1. Ngày 29/7/2013, ông Vũ Tiến H1 và vợ là bà Nguyễn Thị H2 đã làm Giấy chuyển nhượng cho ông Vũ Đức C 124 m² đất nhận khoán trồng cây cà phê. Ông C đã thanh toán hết tiền cho ông H1 nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Theo hợp đồng chuyển nhượng, ông C được toàn quyền sử dụng, quản lý diện tích đất nhận khoán nêu trên; đồng thời được hưởng các khoản tiền bồi thường về hoa màu, vật kiến trúc trên đất trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H1, bà H2, ông C không trồng cây cà phê mà thuê máy móc san lấp mặt bằng và xây nhà ở cấp bốn và các công trình phụ trợ khác cũng vào năm 2013. Thời điểm ông C xây nhà không xảy ra tranh chấp với ai và không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản ngăn chặn hay xử phạt hành chính. Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số: 16/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây gọi tắt là Quyết định số 16), với nội dung: *Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Vũ Đức C, tại Tổ dân phố 5, phường T, thành phố P; Lý do: ông Vũ Đức C đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Nam T.*

Không đồng ý với văn bản trên, ông C gửi đơn khiếu nại ngày 06/8/2019 đến UBND thành phố P, khiếu nại Quyết định số 16. Ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1186/QĐ-UBND (sau đây gọi là Quyết định số 1186) với nội dung giữ nguyên Quyết định số 16.

Đến ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số: 25/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây gọi là Quyết định số 25), với nội dung: *Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) của ông Vũ Đức C, tại Tổ dân phố 5, phường T, thành phố P; Lý do: ông Vũ Đức C đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Nam T.*

Không đồng ý với Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 của Chủ tịch UBND thành phố P nên ông Vũ Đức C khởi kiện yêu cầu huỷ ba quyết định nêu trên với lý do các quyết định hành chính đó đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Tại văn bản số: 03/UBND-TP ngày 03/01/2020 của UBND thành phố P đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Việc ông Vũ Đức C khởi kiện đề yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên huỷ Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 của Chủ tịch UBND thành phố P là không có căn cứ vì Chủ tịch UBND thành phố P ban hành các quyết định trên là đúng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

Ông C đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị Nam T, vi phạm điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 45 Luật xây dựng năm 2014.

Ngày 04/01/2017, gia đình ông C bị đoàn kiểm tra liên ngành Sở xây dựng lập Biên bản số 25/BBKT-ĐLN xác định ông C xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng.

Đến ngày 04/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị do ông Tòng Văn T2 - viên chức Đội trật tự đô thị thành phố P đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC đối với ông Vũ Đức C về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, tổng diện tích 129,56m², công trình kết thúc năm 2013.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt đối với ông Vũ Đức C đã hết theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của ông Vũ Đức C gây ra, Chủ tịch UBND thành phố P đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập để ban hành Quyết định số: 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trong quyết định này có yêu cầu ông C phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

- Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Vũ Đức C, tại Tổ dân phố 5, phường T, thành phố P;

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Hết thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong Quyết định số: 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P, ông Vũ Đức C không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố P đã căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1186:

Căn cứ Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011, UBND thành phố P đã có thông báo số 1092/TB-UBND ngày 15/8/2019 về việc thụ lý giải quyết đơn và quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Dựa vào báo cáo số 33/BC-TP ngày 05/9/2019 báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 10/9/2019 căn cứ Điều 30 Luật khiếu nại, UBND thành phố tổ chức đối thoại với ông Vũ Đức C. Ngày 17/9/2019, căn cứ Điều 31 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định số 1186/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, ông C đã nhận quyết định.

Ông Vũ Đức C yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên hủy Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 của Chủ tịch UBND thành phố P là không có căn cứ.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P vẫn giữ nguyên Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 nêu trên và đề nghị TAND tỉnh Điện Biên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/03/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến H1 trình bày:

Ngày 01/01/2000, ông H1 nhận khoán 0,2400 ha đất của Công ty N Điện Biên để trồng cây cà phê. Nguồn gốc đất nhận khoán là do ông Phạm Ngọc L1 nhận khoán từ 01/7/1995, sau đó ông L1 chuyển nhượng cho ông H1. Việc chuyển nhượng này được sự cho phép của Công ty N (thể hiện ở hợp đồng số 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 về việc giao khoán đất trồng cây cà phê lâu năm giữa Công ty N với ông H1), thời hạn giao khoán 50 năm. Khi nhận đất giao khoán từ năm 2000 đến năm 2013 ông H1 vẫn trồng cây cà phê, hàng năm nộp sản phẩm cho Công ty N theo giá trị sản lượng trên diện tích đất nhận khoán (vì công ty không bao tiêu sản phẩm). Sau đó ông H1 đã xin phép xây một ngôi nhà nhỏ, làm chuồng trại để chăn nuôi gà. Ngày 29/7/2013, ông H1 chuyển nhượng cho ông Vũ Đức C 124m² với giá 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng) nhưng không xin phép Công ty N do ông H1 lên Công ty nhưng không gặp được Giám đốc. Trước khi chuyển nhượng đất giao khoán, ông H1 có nói với ông C về mục đích sử dụng đất đồng thời ông C không được phép chuyển nhượng đất và xây dựng nhà ở trên đất. Khi giao nhận đất hai bên đã bàn giao mốc giới và trên đất không có nhà ở, công trình xây dựng nào. Sau khi nhận

chuyển nhượng, ông C không trồng cây cà phê mà thuê máy móc đến chặt cây nhãn và cây cà phê để san lấp mặt bằng, xây dựng nhà trên đất.

Tại công văn số 19/CV-CPCBNS ngày 19/3/2020, Công ty Cổ phần N1 Điện Biên (trước đây là Công ty N Điện Biên) có ý kiến như sau:

Ông Vũ Tiến H1 không phải là công nhân của Công ty N Điện Biên. Ngày 01/01/2000, ông H1 được Công ty N cho phép nhận khoán đất để trồng cà phê (tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số 78/HĐK-CTCCN giữa: Bên giao khoán là Công ty N Điện Biên, với bên nhận khoán là ông Vũ Tiến H1). Từ năm 2010 đến năm 2014, việc giao nộp nghĩa vụ trên đất nhận khoán ông H1, bà H2 vẫn thực hiện nộp tiền đầy đủ. Công ty N có nắm được việc tự ý chuyển nhượng đất nhận khoán trồng cà phê của ông H1 và các hộ nhận khoán khác. Việc tự ý chặt cây cà phê để xây dựng các công trình trên đất nhận khoán, công ty đã tiến hành kiểm tra, xác định và quy trách nhiệm cho chủ hộ nhận khoán là ông Vũ Tiến H1. Theo các điều khoản trong Hợp đồng thì ông H1 không được tự ý chuyển nhượng đất nhận khoán khi chưa được sự đồng ý của giám đốc công ty. Việc ông Vũ Đức C làm nhà trên đất nhận khoán, phía công ty đã tiến hành kiểm tra, xác minh mức độ vi phạm quy trách nhiệm và xử lý đối với ông H1 (vì không có chứng cứ xác định việc mua bán giữa ông C và ông H1) và báo cáo tình trạng vi phạm chung của các hộ vi phạm lên UBND tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan để đề nghị giải quyết. Năm 2014, Công ty N Điện Biên đã chuyển giao quản lý đất và toàn bộ hồ sơ, tài liệu về giao khoán, quản lý đất giao khoán tại phường T cho UBND thành phố P.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/3/2020 ông Đàm Văn Q, Tổ trưởng tổ dân phố 5, phường T, thành phố P trình bày:

Việc gia đình ông Vũ Đức C sử dụng đất nhận khoán trồng cây cà phê của ông Vũ Tiến H1, sau đó ông C chặt cây cà phê và xây dựng nhà ở kiên cố ông Q có biết, nhưng không biết việc xây dựng có hợp pháp hay không. Khi ông H1 chuyển nhượng đất cho ông C và các bên bàn giao đất cho nhau ông Q không được chứng kiến. Trong thời gian làm trưởng phố, ông Q được tham gia các đoàn kiểm tra của cơ quan, tổ chức về kiểm tra quản lý trật tự xây dựng với hộ ông Vũ Đức C. Ông Q có được chứng kiến việc đoàn kiểm tra giao Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC cho ông C nhưng ông C không có mặt. Sau đó, Đoàn kiểm tra cũng không gửi biên bản cho ông Q để đưa lại cho ông C. Ông Q không được giao nhiệm vụ tổng đạt quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P cho ông C.

Ông Q cho rằng việc gia đình ông Vũ Đức C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhận khoán không hợp pháp, xây dựng công trình trên đất nông nghiệp không có giấy phép xây dựng là đã vi phạm quy định về việc sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất.

Tại biên bản làm việc ngày 13/03/2020, đại diện UBND phường T trình bày:

Hộ gia đình ông Vũ Đức C trú tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố P có công trình xây dựng trên đất nhận khoán của Công ty N Điện Biên (nay là Công ty Cổ phần N1 Điện Biên) thuộc đất quy hoạch Dự án: Xây dựng khu đô thị mới

Nam T. Trong quá trình thực hiện công vụ, UBND phường T đã phối hợp với UBND thành phố P lập Biên bản vi phạm Hành chính số 25/BBKT-ĐLN ngày 04/01/2017 có nội dung: kiểm tra tại hiện trường công tác trật tự xây dựng đô thị đối với các nhân ông Vũ Đức C chủ hộ xây dựng, trong biên bản không có chữ ký của ông C. Sau đó, đến ngày 04/5/2019, UBND phường T tiếp tục phối hợp với UBND thành phố P lập Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 03/BB-VPHC; Tại phiên làm việc ông C không có mặt.

Ngày 07/5/2019, UBND phường T đã tiến hành niêm yết công khai Biên bản số 03 tại trụ sở UBND phường T nhưng không thực hiện niêm yết tại hội trường phố, nhà văn hóa phố 5. UBND phường T cũng không giao cho Tổ trưởng tổ dân phố 5 và lãnh đạo các tổ chức của phố gửi Biên bản vi phạm đến gia đình ông Vũ Đức C. UBND phường cũng không họp thông báo đến các hộ dân thuộc diện bị thu hồi giải tỏa về việc đã bị lập Biên bản vi phạm, trong đó có hộ ông Vũ Đức C.

Sau đó, cán bộ UBND phường T đã đến bản P1, phường T để giao Quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 cho ông C nhưng ông C không có nhà nên đã giao cho mẹ ông C là bà Nguyễn Thị M; Bà M có nhận quyết định nhưng từ chối ký tên vào biên bản giao nhận.

Đại diện UBND phường T cho rằng thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Vũ Tiến H1 với ông Vũ Đức C là không hợp pháp, ông C xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, không có giấy phép xây dựng là vi phạm quy định về sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại: Tuy nhiên người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cho rằng yêu cầu khởi kiện không có căn cứ nên giữ nguyên quyết định hành chính bị khiếu kiện.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt và gửi bản Luận cứ với nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức C là có căn cứ và đúng pháp luật , bởi lẽ việc ban hành các Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Vũ Đức C là không có căn cứ , không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật , không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho hộ ông C, cụ thể như sau:

1. Về nguồn gốc thửa đất trước đây là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm , tuy nhiên các thửa đất này sau đã được thay đổi quy hoạch thành đất ở đô thị nên việc sử dụng đất của người khởi kiện vào mục đích hiện trạng hiện nay là phù hợp với quy hoạch...Trong trường hợp thu hồi đất để chỉnh trang đô thị thì cũng cần phải tái định cư tại chỗ các hộ dân để đảm bảo ổn định đời sống.

2. Việc ông Chủ tịch UBND thành phố P xác định người khởi kiện có hành vi tổ chức xây dựng công trình trái phép , vi phạm điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là không chính xác và

không đúng quy định pháp luật, vì: công trình này được xây dựng và kết thúc việc xây dựng là năm 2013, đến nay phù hợp với quy hoạch đất ở đô thị, không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không có tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp theo các điều kiện tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP. Do đó không thể xác định đây là hành vi vi phạm theo điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình được mà phải áp dụng việc xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013.

3. Việc ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông Vũ Đức C còn vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục khi không thông báo với người vi phạm về Biên bản vi phạm hành chính, không niêm yết công khai Biên bản vi phạm hành chính.

Căn cứ vào lời khai của người khởi kiện khẳng định chưa có Đoàn kiểm tra nào đến kiểm tra hiện trạng cũng như lập Biên bản vi phạm hành chính vào ngày 04/5/2019 đối với hộ ông C. Hơn nữa, việc lập Biên bản vi phạm hành chính không có chữ ký người vi phạm nhưng lại không cung cấp Biên bản cho người vi phạm, không niêm yết công khai Biên bản này là vi phạm quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về trình tự, thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính và giao nhận Biên bản vi phạm hành chính.

Vì vậy, căn cứ Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, Điều 79 Nghị định 139/2017/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thủ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; Hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, thực hiện tranh tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Mặc dù người khởi kiện đã vi phạm quy định về sử dụng đất và xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến trật tự xây dựng đô thị nhưng trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính trên có vi phạm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự nên cần hủy Quyết định số 16, Quyết định số 1186, Quyết định số 25 của Chủ tịch UBND thành phố P và Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 16/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trên đất của ông Vũ Đức C. Ông C không nhất trí nên không thực hiện việc tháo dỡ công trình trên đất và có đơn khiếu nại Quyết định số 16. Ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1186/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 16. Đến ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Không đồng ý với Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy cả 03 quyết định nêu trên.

Xét thấy: Quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 và Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 là Quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng; Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng. Đây là trường hợp khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

Ông Vũ Đức C cho rằng các quyết định hành chính nêu trên là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 17/10/2019, TAND tỉnh Điện Biên nhận được đơn khởi kiện của ông Vũ Đức C thông qua dịch vụ bưu chính chuyển đến là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, TAND tỉnh Điện Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1.1] Tính hợp pháp về hình thức:

Quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 và Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 được Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành trên cơ sở căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC của UBND phường T lập ngày 04/5/2019, Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phù hợp với biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của

Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 do Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành là đúng về hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật khiếu nại. Do đó, khẳng định các quyết định trên hợp pháp về hình thức.

[2.1.2] Tính hợp pháp về nội dung:

Ngày 29/7/2013, ông Vũ Đức C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vũ Tiến H1 và bà Nguyễn Thị H2 với diện tích 124m² đất nhận khoán trồng cây cà phê. Hai bên xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trên diện tích đất ông H1 bàn giao cho ông C không có công trình xây dựng nào trên đất. Sau khi nhận đất, ông C đã thực hiện việc san ủi đất và xây dựng một nhà cấp bốn xây tường mười, mái lợp tôn xà gồ thép, vì kèo thép cửa đi, cửa sổ sắt, trần tấm nhựa, nền lát gạch hoa xi măng, diện tích 88,8m²; bán mái diện tích 32,8m² (công trình hoàn thành trong năm 2013). Khi xây dựng, ông C không có Giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng cũng không bị cơ quan nhà nước nào lập biên bản ngăn chặn.

Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác định: diện tích 124m² đất ông C nhận chuyển nhượng từ ông bà H1 - H2 nằm trong phần đất ông Vũ Tiến H1 nhận khoán của Công ty N Điện Biên.

Tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số: 78/HĐK-CTCCN ngày 01/11/2002 giữa người nhận khoán ông Vũ Tiến H1, người giao khoán Công ty N Điện Biên có nội dung:

- Điều 1 quy định: *Giao cho ông Vũ Tiến H1 diện tích đất 0,2400ha thuộc khu vực đội 16 công ty để trồng cây cà phê.*

- Điều 3 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán:

+ Điểm d khoản 1 quy định: *Được sử dụng một số đất để làm lán tạm bảo vệ sản xuất, cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất; được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, hồ ủ phân, chuồng nuôi gia súc, kênh dẫn nước, cống thoát nước trực tiếp phục vụ sản xuất trên đất nhận khoán là 100 m².*

+ Điểm a khoản 2 quy định: *Bên nhận khoán đất có nghĩa vụ trồng mới cây cà phê theo đúng quy hoạch và quy trình kỹ thuật của bên giao khoán, sử dụng đất đúng mục đích được giao.*

+ Điểm đ khoản 2 quy định: *Không được tự ý chuyển nhượng vườn cây khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc công ty.*

Ông Vũ Tiến H1 chuyển nhượng một phần đất nhận khoán trồng cà phê cho ông Vũ Đức C nhưng không được sự cho phép của Giám đốc Công ty N và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên lập ngày 29/7/2013 không hợp pháp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005. Phần công trình được phép xây dựng theo quy định tại điểm d

khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng đã được gia đình ông H1 xây dựng và sử dụng; vì vậy ông C xây dựng công trình nhà ở và các công trình phụ trợ trên đất là không đúng mục đích được giao khoán theo hợp đồng trên.

Ngoài ra, ông C xây dựng công trình sau thời điểm UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt quy hoạch tại: Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố P, tỉnh Điện Biên đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc chấp thuận Đầu tư dự án: Đô thị Hoàng Anh tại phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên; Sau đó được điều chỉnh tại các quyết định: Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam T; Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam T; Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Xây dựng Khu đô thị mới Nam T.

Do đó, ngày 04/5/2019, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Vũ Đức Cảnh về hành vi: *“Tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Nam T”*, hành vi được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là đúng đối tượng và có căn cứ.

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 16 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với biện pháp: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Vũ Đức C vì đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng.

Ngày 06/8/2019, ông C gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố P, khiếu nại Quyết định số 16. Do việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Vũ Đức C là đúng quy định pháp luật nên ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1186 với nội dung giữ nguyên Quyết định 16.

Như vậy, hành vi xây dựng nhà không có giấy phép, xây dựng trên đất nông nghiệp của ông C đã kết thúc từ năm 2013, nhưng đến tháng 5/2019 hành vi đó mới bị phát hiện. Tính từ ngày hành vi vi phạm kết thúc đến ngày ra quyết định đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (02 năm) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (buộc tháo dỡ công trình xây dựng không có giấy phép) là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1186 có nội dung giữ nguyên quyết định số 16 là phù hợp.

Do ông C không không tự nguyện thực hiện theo Quyết định số 16 nên ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố P tiếp tục ban hành Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Vũ Đức C. Quyết định số 25 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Trong bản luận cứ bào chữa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng: ông Chủ tịch UBND thành phố P xác định người khởi kiện có hành vi tổ chức xây dựng công trình trái phép, vi phạm điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ là không chính xác... mà phải áp dụng việc xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 3 Điều 79 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP quy định: *"Hành vi vi phạm hành chính được quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 13 và khoản 2 Điều 70 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP, mà đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP"*.

Tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 quy định: *"Hành vi quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và Điểm b khoản 7 Điều này mà không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không có tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính, còn bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được bằng 40% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép đối với công trình là nhà ở riêng lẻ và bằng 50% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị được duyệt đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng hoặc công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc nộp phạt thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng"*.

Mặc dù, hành vi xây dựng công trình không có giấy phép của ông Vũ Đức C đã kết thúc trước ngày Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP có hiệu lực, nhưng ông C xây dựng nhà trên đất không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp, bởi lẽ: việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông bà H1 - H2 không được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2003, do đó ông C cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên theo quy định tại khoản 5 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai thì ông C chưa có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất có xây dựng công trình. Bên cạnh đó, công trình xây dựng của ông C được xây dựng trên đất đã có quy hoạch là không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Do đó, ý kiến của Luật sư nêu trên không phù hợp nên không được chấp nhận.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định nội dung của Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 là hợp pháp.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.2.1] Về thẩm quyền:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 16 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định số 25 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Đối với Quyết định số 1186 có nội dung giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 16 do chính Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 04/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC đối với ông Vũ Đức C về hành vi: “Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng”. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, ông C không có mặt nên không ký tên vào biên bản.

Sau khi lập biên bản vi phạm, vào hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác đã tiến hành giao Biên bản vi phạm số 03/BB-VPHC cho ông Vũ Đức C nhưng ông C không có mặt tại công trình vi phạm nên tổ công tác không giao được biên bản. UBND phường T không thông báo cho ông C biết về việc bị lập biên bản vi phạm hành chính; không tiến hành niêm yết Biên bản vi phạm hành chính tại nơi cư trú của ông C. Như vậy, thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính và giao biên bản cho người vi phạm không đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông C không biết việc vi phạm hành chính của mình bị lập biên bản để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố P căn cứ vào Biên bản vi phạm số 03/BB-VPHC ngày 04/5/2019 để ban hành Quyết định số 16 là không hợp pháp.

Sau khi ban hành quyết định số 16, Tổ công tác đã giao quyết định trên cho ông C nhưng ông C không có nhà nên đã giao cho mẹ ông C là bà Nguyễn Thị M nhưng Bà M từ chối ký tên vào biên bản giao nhận. Vì không giao trực tiếp được quyết định số 16 cho ông C nên ngày 02/8/2019 UBND phường T thực hiện thủ tục niêm yết công khai Quyết định 16 tại trụ sở UBND phường nhưng không thực hiện việc niêm yết tại nơi cư trú của ông C là vi phạm về trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự trong vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ căn cứ vào Biên bản vi phạm số 03/BB-VPHC ngày 04/5/2019 để ban hành Quyết định số 16 và Quyết định số 25 là không hợp pháp, do đó ông C khởi kiện là có căn cứ.

[2.3] Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính.

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khi đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với ông Vũ Đức C là đúng quy định về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 5 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng...

Hết thời hạn 10 ngày quy định tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 16/QĐ-KPHQ, ông Vũ Đức C không tự nguyện chấp hành. Ngày 09/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 25 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông C.

Như vậy, việc ban hành các quyết định hành chính trên là đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 65 và khoản 2 Điều 66 Luật xử phạt vi phạm hành chính.

[2.4] Mối liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có liên quan:

Việc ban hành Quyết định số 16 và Quyết định số 25 không hợp pháp về trình tự thủ tục (Biên bản vi phạm hành chính số 03 - là căn cứ để ban hành các QĐHC bị khởi kiện chưa được giao cho người vi phạm) đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp ông C. Khi Quyết định số 16 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 1186 (có nội dung giữ nguyên quyết định số 16) cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Vũ Đức C.

[2.5] Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác: Không có.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, khẳng định Quyết định số 16, Quyết định số 1186 và Quyết định số 25 là hợp pháp về hình thức; nội dung; thẩm quyền; thời hạn, thời hiệu nhưng có vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành quyết định, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện. Do đó, có cơ sở để hủy các quyết định hành chính trên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C và ý kiến của Đại diện VSKND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện, Ông Vũ Đức C đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Tạm đình chỉ thi hành Quyết định hành chính”. Ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/QĐ-BPKCTT, theo đó, đã buộc Chủ tịch UBND thành phố P tạm đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế số: 25/CCKPHQ ngày 09/10/2019. Nay vụ án đã được giải quyết nên HĐXX căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật tổ tụng hành chính Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; buộc Chủ tịch UBND thành phố P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 74; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm d khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, Điều 70, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 15; khoản 3 Điều 79 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ các Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức C . Hủy toàn bộ Quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc áp dụng biện pháp p khắc phục hậu quả , Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức C (lần đầu) và Quyết định số 25/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông Vũ Đức C số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/00040 ngày 20/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Đức C có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2020). Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên; bà Nguyễn Thị H ; ông Vũ Tiến H1, bà

Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Cấp cao tại HN;
- Các đương sự;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp;
- Cục thi hành án tỉnh Điện Biên;
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng